TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Bà Phạm Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2016/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Tổ 08, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm V, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký HKTT: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; chổ ở hiện nay: Đội 6, phân trại 1, Trại giam C – Cục C – Bộ Công An thuộc ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm V tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, từ năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V ăn chơi lêu lõng không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam C, vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm V.

- Về con chung: Chị và anh V có một con chung là cháu Phạm Nhật P, sinh ngày 31/7/2015. Hiện nay cháu P đang sống chung với chị, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2019 bị đơn anh Phạm V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị S về thời gian và quá trình chung sống vợ chồng. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng do hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam C với thời hạn chấp hành án 9 năm tù nên không có điều kiện chăm sóc gia đình. Nay chị S yêu cầu được ly hôn thì anh V đồng ý ly hôn;

- Về con chung: Anh V và chị S có một con chung là cháu Phạm Nhật P, sinh ngày 31/7/2015, anh đồng ý giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S, bị đơn anh Phạm V vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V.

Về con chung: Giao chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nhật P, sinh ngày 31/7/2015. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, chị S yêu cầu ly hôn anh V đồng ý ly hôn. Hiện nay do anh V đang chấp hành án tại Trại giam C điều kiện đi lại khó khăn nên anh V tự nguyện làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không yêu cầu tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải. Do đó yêu cầu của chị S là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V có một con chung là cháu Phạm Nhật P, sinh ngày 31/7/2015. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung tên Phạm Nhật P, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2015. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Phạm V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Phạm V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006201 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(Tr).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam